

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-3-2024.
“V/v ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2023 “Về việc ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hoàng Hải Y, sinh năm: 2004 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Cư trú tại: ấp Trường T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1995 “vắng mặt”.

Cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn chị Trần Hoàng Hải Y trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Hoàng Hải Y và anh Nguyễn Văn S tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị Y và anh S chung sống hạnh phúc, đến cuối tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Y và anh S sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Nay chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Hoàng Hải Y và anh Nguyễn Văn S không có con chung, nên chị Y không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Hoàng Hải Y và anh Nguyễn Văn S không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị Y không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Trần Hoàng Hải Y vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn S*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, anh S biết sự việc chị Y yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn nhưng anh S không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2023 của chị Trần Hoàng Hải Y thì chị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự:

[2.1] Về xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn: Chị Trần Hoàng Hải Y là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

[2.2] Về xét xử vắng mặt đối với bị đơn: Bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hoàng Hải Y và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị Y và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị Y và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Y và anh S chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên chị Y và anh S sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị Y và anh S không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023. Từ khi sống ly thân chị Y và anh S không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị Y yêu cầu được ly hôn; anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Y.

Xét thấy, chị Y không chủ động gặp anh S để hàn gắn tình cảm, hiện nay hôn nhân của chị Y và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị Y và anh S không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị Y yêu cầu được ly hôn với anh S là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Trần Hoàng Hải Y và anh Nguyễn Văn S không có con chung, chị Y không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Hoàng Hải Y và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị Trần Hoàng Hải Y chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Hoàng Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Hoàng Hải Y và anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hoàng Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011170 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng như vậy chị Trần Hoàng Hải Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Hoàng Hải Y được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hương